

DOI: 10.58490/ctump.2024i81.3094

**KHẢO SÁT SỰ HÀI LÒNG CỦA SINH VIÊN VỀ
ỨNG DỤNG PHƯƠNG PHÁP HỌC TẬP DỰA TRÊN TÌNH HUỐNG
(CASE BASED LEARNING - CBL) VÀO HỌC PHẦN TÂM THẦN
TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ**

*Nguyễn Thị Phương Hiền, Lê Thị Gái, Đoàn Hữu Nhân,
Nguyễn Thái Thông, Trần Thiện Thắng, Nguyễn Văn Thông**

Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

**Email: nvthong@ctump.edu.vn*

Ngày nhận bài: 04/9/2024

Ngày phản biện: 20/10/2024

Ngày duyệt đăng: 25/10/2024

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Trong bối cảnh giáo dục, đặc biệt đối với ngành Y khoa, ưu tiên hàng đầu chính là giúp người học nhanh chóng tiếp cận, vận dụng kiến thức lí thuyết đã có để ứng dụng vào thực tiễn lâm sàng. Điều đó đòi hỏi cần phải đổi mới phương pháp giảng dạy phù hợp thực tế. Nổi bật trong số đó là phương pháp học tập dựa trên tình huống (Case Based Learning - CBL), hiện đang được ứng dụng rộng rãi tại các trường Đại học ở Việt Nam. **Mục tiêu nghiên cứu:** Khảo sát sự hài lòng và các ý kiến của sinh viên về việc chuyển đổi dạy-học theo phương pháp học tập dựa trên tình huống. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu cắt ngang mô tả trên 86 sinh viên Y khoa Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. **Kết quả:** Có 89,6% sinh viên hài lòng về việc chuyển đổi dạy-học theo phương pháp Case Based Learning, 96,5% sinh viên cho rằng họ được chủ động trong các buổi học CBL, các vật liệu giảng dạy cho phương pháp này cũng chiếm tỉ lệ hài lòng cao (>90%). **Kết luận:** Sự hài lòng của sinh viên về việc chuyển đổi dạy-học học phần tâm thần theo phương pháp học tập dựa trên tình huống (Case Based Learning – CBL) là 89.6%. Các vật liệu giảng dạy cũng chiếm trên 90% sự đánh giá tích cực của sinh viên. Phương pháp CBL nên được xem xét áp dụng cho giảng dạy các học phần chương trình Y khoa.

Từ khóa: CBL (Case Based Learning), sinh viên, tình huống lâm sàng.

ABSTRACT

**SURVEY ON STUDENT SATISFACTION IN APPLYING CASE BASED
LEARNING (CBL) METHOD IN TEACHING PSYCHIATRY
AT CAN THO UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY**

*Nguyen Thi Phuong Hien, Le Thi Gai, Doan Huu Nhan,
Nguyen Thai Thong, Tran Thien Thang, Nguyen Van Thong**

Can Tho University of Medicine and Pharmacy

Background: In the context of education, especially in the medical field, the top priority is to help learners quickly apply existing theoretical knowledge to practical applications. That requires innovation in teaching methods that are suitable for practice. Prominent among them is the situation-based learning method (CBL), which is currently widely applied in universities in Vietnam. **Objectives:** To survey students' satisfaction and opinions on the conversion of teaching to case-based learning. **Materials and methods:** A cross-sectional descriptive study was conducted on 86 medical students of Can Tho University of Medicine and Pharmacy. **Results:** 89.6% of students were satisfied with the conversion of teaching and learning to the Case Based Learning method, 96.5% of students said that they were proactive in CBL sessions, and the teaching materials for this method also had a high satisfaction rate (>90%) **Conclusions:** Students' satisfaction with the conversion of

teaching and learning of psychiatric subjects to the Case Based Learning (CBL) method was 89.6%. The teaching materials also accounted for over 90% of students' positive evaluations. The CBL method should be considered for application to teaching medical curriculum modules.

Keywords: CBL (Case Based Learning), students, clinical situations.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Phương pháp CBL với thuật ngữ đầy đủ là “Case Based Learning” - Học tập dựa trên tình huống. Từ “Case” có nghĩa là một bản tường thuật về một tình huống bắt nguồn từ thực tế hoặc sát với thực tế nhất. Các tình huống khi được sử dụng phải có mục tiêu sự phạm [1]. Phương pháp sự phạm của CBL cung cấp một mảnh đất màu mỡ cho việc học tập nhận thức [2], phát triển các kỹ năng và xây dựng kiến thức, tư duy phê phán và giải quyết vấn đề [3]. Phương pháp này sẽ giảng dạy dựa trên các tình huống với sự tham gia thảo luận từ người học. Với sự phát triển của công nghệ thông tin như hiện nay, hàng loạt các phương tiện hiện đại ra đời giúp con người nhanh chóng lưu trữ khối lượng kiến thức khổng lồ. Vì thế, trong bối cảnh giáo dục, đặc biệt đối với ngành Y khoa, ưu tiên hàng đầu chính là giúp người học nhanh chóng tiếp cận, vận dụng kiến thức lí thuyết đã có để ứng dụng vào thực tiễn lâm sàng. Điều đó đòi hỏi cần phải đổi mới phương pháp giảng dạy phù hợp thực tế. Nổi bật trong số đó là phương pháp học tập dựa trên tình huống, hiện đang được ứng dụng rộng rãi tại các trường Đại học ở Việt Nam [4]. Tại trường Đại học Y dược Cần Thơ, năm học 2023-2024, Nhà trường chủ trương đổi mới chương trình đào tạo đại học ngành Y khoa dựa theo năng lực theo hướng tích hợp (Competency-Based Medical Education - CBME) và giảng dạy theo mô-đun [5]. Bên cạnh đó cũng ứng dụng phương pháp theo CBL vào hoạt động dạy học. Tuy nhiên, hiện nay chưa có khảo sát ý kiến người học về chuyển đổi giảng dạy CBL để có được thông tin hài lòng cũng như những góp ý cần thiết cho phương pháp này. Vì thế, nghiên cứu được thực hiện với mục tiêu khảo sát sự hài lòng của sinh viên về việc chuyển đổi dạy-học học phần tâm thần theo phương pháp học tập dựa trên tình huống – CBL.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Sinh viên ngành Y khoa học học phần Tâm thần với phương pháp học tập dựa trên tình huống (CBL), tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

- **Tiêu chuẩn chọn mẫu:** Sinh viên đã hoàn thành chương trình lí thuyết học phần tâm thần, đồng ý tự nguyện tham gia khảo sát.

- **Tiêu chuẩn loại trừ:** Sinh viên bị tạm hoãn học tập/ bị đình chỉ học tập tại thời điểm lấy mẫu, sinh viên không có khả năng trả lời các câu hỏi khảo sát, tham gia khảo sát không đầy đủ.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- **Thiết kế nghiên cứu:** Nghiên cứu cắt ngang mô tả.

- **Thời gian:** 06/2023 – 12/2023

- **Địa điểm:** Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

- **Cỡ mẫu:** Sử dụng công thức ước lượng một tỷ lệ $N = (Z_{1-\alpha/2})^2 \times \frac{px(1-p)}{d^2}$

Trong đó, $Z_{1-\alpha/2} = 1,96$, $d = 0,05$, $p = 0,95$ là tỉ lệ sinh viên đánh giá phương pháp CBL là phương pháp tốt và mang lại trải nghiệm học tập tốt [6]. Thay vào công thức tính được N tối thiểu là 73. Cỡ mẫu chúng tôi thu được là 86 mẫu.

- **Phương pháp chọn mẫu:** Chọn tất cả sinh viên trong lớp đã học học phần Tâm thần với toàn bộ bài giảng dựa trên CBL, thỏa tiêu chuẩn chọn mẫu.

- **Nội dung nghiên cứu:** Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu như giới tính, độ tuổi. Sự hài lòng và các ý kiến của sinh viên về việc chuyển đổi phương pháp dạy-học học phần tâm thần theo phương pháp Case Based Learning (CBL) bao gồm các vật liệu giảng dạy như giáo trình, bài giảng powerpoint truyền thống (elearning), video bài giảng theo cách truyền thống (elearning), các câu hỏi lượng giảng (elearning) và buổi thảo luận trên lớp.

- **Xử lý số liệu:** Các số liệu được thu thập và xử lý trên phần mềm SPSS 25.0

- **Đạo đức trong nghiên cứu:** Đối tượng tham gia nghiên cứu được đảm bảo là hoàn toàn tự nguyện không tác động từ bên ngoài hay bất cứ sự ép buộc nào từ phía nhóm nghiên cứu. Các đối tượng nghiên cứu được quyền từ chối tham gia.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

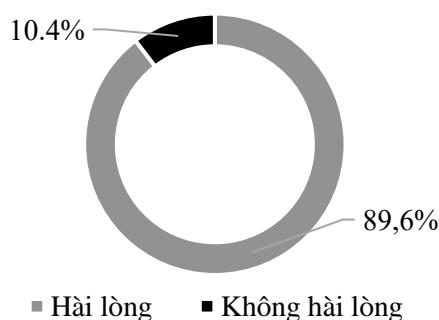
3.1. Đặc điểm đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Đặc điểm		Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nam	41	47,7
	Nữ	45	52,3
Tuổi	Tuổi trung bình (độ lệch chuẩn): 31,12 (3,4) Thấp nhất: 24, Cao nhất: 45		

Nhận xét: Nghiên cứu này chúng tôi thực hiện trên 86 sinh viên với độ tuổi trung bình $31,12 \pm 3,40$ tuổi. Giới tính nữ chiếm tỉ lệ cao hơn với 52,3%.

3.2. Tỷ lệ hài lòng của sinh viên về việc ứng dụng phương pháp CBL trong dạy học học phần tâm thần tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ



Biểu đồ 1. Sự hài lòng của sinh viên về việc chuyển đổi phương pháp CBL

Nhận xét: Có đến 89,6% sinh viên hài lòng về việc chuyển đổi dạy – học theo phương pháp CBL.

Bảng 1. Đánh giá của sinh viên về phương pháp CBL

STT	Nội dung	Tỷ lệ đồng ý (%)
1	CBL truyền đạt dễ hiểu	97,0
2	CBL giúp liên hệ giữa lý thuyết và thực tiễn	94,2
3	CBL khuyến khích sinh viên phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc nhóm	95,4
4	CBL giúp sinh viên sáng tạo và tư duy độc lập trong quá trình học	96,5
5	CBL giúp tổ chức lớp học, hướng dẫn sinh viên học tập hiệu quả	94,2

STT	Nội dung	Tỉ lệ đồng ý (%)
6	CBL tạo thú vui học tập cho sinh viên trong giờ học	94,2
7	CBL vừa sức đối với sinh viên	89,5
8	CBL giúp sinh viên nhiệt tình và có trách nhiệm trong buổi giảng	95,4
9	CBL giúp sinh viên nhớ bài giảng tốt hơn	94,2
10	CBL là phương pháp phù hợp	91,9

Nhận xét: Hơn 90% sinh viên đồng ý chuyển đổi dạy – học theo phương pháp CBL, công nhận CBL mang lại nhiều hiệu quả tích cực trong hoạt động dạy – học.

Bảng 2. Các đánh giá của sinh viên về các vật liệu giảng dạy phục vụ phương pháp CBL

Các vật liệu giảng dạy	Nội dung	Tỉ lệ đồng ý (%)
Giáo trình	Giáo trình trong học phần là thiết yếu	98
	Được cung cấp trước buổi học	98,8%
	Có cập nhật kiến thức mới	100%
	Phù hợp đề cương chi tiết học phần	100%
	Nội dung giáo trình phục vụ giảng dạy theo CBL	95%
Video bài giảng truyền thông	Giúp học bài trước khi lên lớp	90%
	Rút ngắn thời gian dạy lí thuyết	91,9%
	Có nhiều thời gian học về trường hợp lâm sàng	91,9%
Powerpoint bài giảng lâm sàng	Nội dung ca lâm sàng bám sát thực tế	100%
	Đạt mục tiêu bài giảng	97,7%
	Giúp áp dụng các khái niệm then chốt vào thực tế lâm sàng	98,8%
	Giúp sinh viên chủ động trong giờ học	96,5%
	Giúp sinh viên dễ tiếp cận với lâm sàng	97,7%
	Lượng giá được năng lực sinh viên	95,3%
Buổi dạy tình huống lâm sàng	Sinh viên được làm chủ, giảng viên điều phối quan sát	96,5%
	Giảng viên dạy qua các câu hỏi, sinh viên tự tìm câu trả lời	97,7%
	Sinh viên có thời gian thảo luận nhóm, trình bày câu trả lời	97,7%
	Sinh viên được cung cấp tài liệu chuẩn bị trước buổi học ca lâm sàng	97,6%
Link tự học	Giúp sinh viên ôn bài dễ dàng, tự giác học tập	96,5%
	Giúp lượng giá sinh viên	99%
	Có tài liệu hướng dẫn tự học	97,7%
	Có đầy đủ các nội dung được giảng dạy	96,5%
	Chủ động thời gian học tập, ôn tập	96,5%
	Không làm quá tải việc học	89,5%

Nhận xét: Nhìn chung, tỉ lệ sinh viên đồng tình về các vật liệu giảng dạy đã giúp ích rất nhiều và mang lại nhiều hiệu quả cho sinh viên trong việc học tập theo phương pháp CBL, hầu hết đều >90%.

3.3. Các ý kiến đóng góp của sinh viên

- Đề nghị giảng viên dành một ít thời gian đầu bài giảng về lý thuyết.
- Slide bài giảng thêm hình minh họa cho tình huống lâm sàng để sinh viên biết cách phân biệt hay nhận dạng tốt hơn.
- Cần bổ sung thêm các phương pháp điều trị cụ thể.
- Cần phát triển mạnh mẽ hơn về phương pháp này.

IV. BÀN LUẬN

4.1. Đặc điểm đối tượng nghiên cứu

Về các đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu, kết quả của chúng tôi ghi nhận độ tuổi trung bình của đối tượng nghiên cứu là trên 30 tuổi. Theo nghiên cứu của Syed Ali Raza và cộng sự (2019), ghi nhận độ tuổi 22-24 chiếm nhiều nhất, và đối tượng sinh viên đại học chiếm phần lớn [7]. Vì đối tượng mà bộ môn tâm thần chọn để thực hiện việc chuyển đổi phương pháp dạy-học CBL là lớp đầu tiên học học phần tâm thần sau khi triển khai, nên lớp học phân này chủ yếu là đối tượng sinh viên liên thông, vì thế có sự khác biệt về nhóm tuổi ở hai nghiên cứu. Nghiên cứu chúng tôi không ghi nhận sự chênh lệch nhiều giữa nam và nữ, có sự khác biệt với nghiên cứu của Syed Ali Raza khi ghi nhận giới nam chiếm ưu thế [7]. Điều này có thể do sự khác biệt về văn hóa nên có sự sắp xếp lớp học khác nhau ở mỗi nơi.

4.2. Tỷ lệ hài lòng của sinh viên về việc ứng dụng phương pháp CBL trong dạy học học phần tâm thần tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

Khi chúng tôi tiến hành nghiên cứu trên 86 sinh viên về việc ứng dụng phương pháp CBL trong việc dạy học học phần tâm thần. Kết quả ghi nhận có 89,6% sinh viên hài lòng về việc chuyển đổi này. Cụ thể, khi khảo sát các ý kiến đánh giá của sinh viên về phương pháp CBL hầu hết đều chiếm trên 90% sinh viên đồng tình. Kết quả thu được từ nghiên cứu của chúng tôi có sự tương đồng với một số nghiên cứu trước đây. Theo nghiên cứu của Cen XY và cộng sự (2021) đã tiến hành nghiên cứu trên 939 sinh viên, kết quả ghi nhận giảng dạy theo phương pháp CBL có thể cải thiện kết quả học tập và khả năng phân tích tình huống ở sinh viên ($p < 0,001$) [8]. Một nghiên cứu khác của Yaying Zhao và cộng sự (2022) thực hiện trên 86 sinh viên y khoa, ghi nhận sau nghiên cứu là phương pháp giảng dạy theo CBL có thể cải thiện đáng kể tỷ lệ tuân thủ và thúc đẩy sự tự tin của sinh viên y khoa trong đào tạo [9]. Không chỉ dừng ở các nghiên cứu nói chung, ứng dụng phương pháp CBL trong giảng dạy tâm thần và tâm lý cũng có nhiều tác giả nghiên cứu, và các kết quả thu được cũng có sự tương đồng với nghiên cứu của chúng tôi. Năm 2017, Athanasios Hassoulas và cộng sự đã báo cáo về việc áp dụng phương pháp học tập dựa trên tình huống (CBL) của Trường Y thuộc Đại học Cardiff, kết quả cho thấy sinh viên đánh giá cao việc các tình huống được đưa vào giảng dạy đã nhận được những đánh giá tích cực của sinh viên, từ đó ủng hộ việc đổi mới trong cách giảng dạy [6]. Nghiên cứu của Fanghui Wu và cộng sự (2023) thực hiện nghiên cứu với 2172 sinh viên, ghi nhận được hầu hết sinh viên đều hài lòng với phương pháp giảng dạy CBL, họ cho rằng phương pháp CBL giúp nâng cao điểm số và khuyến khích tạo môi trường học tập hấp dẫn và hiệu quả hơn [10]. Nhìn chung, qua kết quả thu được từ các nghiên cứu, phương pháp giảng dạy theo CBL mang lại nhiều hiệu quả tích cực trong việc dạy-học, giúp sinh viên có cơ hội tiếp cận thực tiễn ở giai đoạn tiền lâm sàng, mỗi tình huống được tiếp cận là một câu chuyện giúp buổi học trở nên sinh động và sinh viên dễ dàng ghi nhớ các kiến thức tốt hơn. Phân tích dựa trên thang điểm Bloom, phương pháp CBL dường như đã giúp sinh viên đáp ứng được cả 6 mức độ tư duy. Ở mức độ ghi nhớ, từ kết quả nghiên cứu cũng đã cho thấy phương pháp CBL giúp sinh viên ghi nhớ bài được tốt hơn thông qua việc lặp lại nhiều lần các kiến thức. Ở mức độ hiểu biết, rõ ràng việc sinh viên chỉ ghi nhớ là chưa đủ. Ghi nhớ và hiểu các thông tin một cách có hệ thống mới có thể giải thích, diễn giải và áp dụng. Việc tạo ra các tình huống bám sát thực tiễn đồng thời giảng viên diễn giải một cách sống động đã giúp sinh viên hiểu sâu kiến thức nhanh chóng, điều này giải thích rằng CBL là phương pháp truyền đạt dễ hiểu. Ở các mức độ cao

hơn của thang điểm Bloom là vận dụng và phân tích, phương pháp CBL giúp sinh viên dành phần lớn thời gian xử lý tình huống bằng cách vận dụng kiến thức tự học trước đó để phân tích các khía cạnh của thông tin, từ đó mới tìm ra được câu trả lời, hơn 95% sinh viên tham gia nghiên cứu của chúng tôi đã đồng tình điều này giúp cho sinh viên sẽ tham gia nhiệt tình và có trách nhiệm hơn trong buổi giảng. Ở mức độ đánh giá, phương pháp CBL sẽ giúp sinh viên trở thành người chủ động đưa ra các ý kiến của mình, và những sinh viên khác sẽ đánh giá tính đúng-sai, phù hợp-không phù hợp để có một cái nhìn khách quan trước khi đưa ra quyết định cuối cùng. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi đã ghi nhận được sự đồng tình của sinh viên rằng CBL giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng và tạo thú vui trong học tập. Không những thế, phương pháp giảng dạy theo tình huống đã giúp sinh viên sáng tạo hơn trong quá trình học tập. Ứng dụng phương pháp CBL có hiệu quả phụ thuộc không chỉ ở giảng viên, sinh viên mà còn là các vật liệu giảng dạy. Theo nghiên cứu Athanasios Hassoulas và cộng sự (2017) khi ứng dụng phương pháp CBL, các tài liệu giảng dạy bao gồm nhật ký video, tình huống lâm sàng, bảng câu hỏi, học tập điện tử [6]. Và kết quả có sự tương đồng với nghiên cứu của chúng tôi khi sinh viên đều có phản hồi tích cực, ghi nhận các vật liệu giảng dạy đã giúp người học tiếp cận với phương pháp CBL được tốt hơn.

4.3. Các ý kiến đóng góp của sinh viên

Bên cạnh có rất nhiều ưu điểm mà CBL mang lại trong việc dạy-học, vẫn còn có một số khuyết điểm mà chúng tôi ghi nhận được trong quá trình thực hiện nghiên cứu. Trước hết là vẫn còn một tỷ lệ thấp sinh viên chưa hài lòng về việc chuyển đổi phương pháp dạy-học. Sinh viên còn chưa quen với việc tự học tại nhà, vậy nên khi đến lớp học theo phương pháp CBL, sinh viên còn lúng túng và chưa theo kịp bài học, yêu cầu giảng viên dành thêm thời gian đầu buổi học để nói về lý thuyết. Không chỉ thế, sinh viên đã góp ý cụ thể về phần điều trị mỗi bài cần nêu cụ thể hơn. Do mục tiêu giảng dạy của học phần giúp người học (sinh viên ngành Y khoa) có thể nhận biết và điều trị một số bệnh tâm thần cơ bản tại các cơ sở khám chữa bệnh không thuộc chuyên khoa tâm thần nên phần điều trị chúng tôi chỉ đưa ra một số nguyên tắc và thuốc cơ bản. Phần chuyên sâu hơn sẽ dành cho giáo trình đào tạo sau đại học. Đối với giảng viên, việc ghi hình bài giảng làm sao cho sinh động, thu hút không phải là thế mạnh, đòi hỏi phải có sự đầu tư rất lớn, tuy nhiên giảng viên khi xây dựng các video bài giảng chỉ tập trung đảm bảo nội dung bài học đầy đủ, phù hợp, nên thiếu sự sinh động. Trường hợp sinh viên không tự học trước sẽ dẫn đến thất bại khi áp dụng theo phương pháp CBL, nên việc kiểm tra đánh giá và thúc đẩy sinh viên tự học là một thách thức lớn đối với giảng viên.

Hạn chế của sáng kiến: Nhiều sinh viên chưa xem và nghiên cứu các tài liệu trên e-learning trước; sinh viên chưa quen thảo luận nhóm; buổi học cần nhiều thời gian cho thảo luận và làm pretest/posttest; một số sinh viên không tham gia và trả lời; phương pháp CBL khó bám sát hết các ý chính của một bài giảng; xây dựng các công cụ giảng dạy mang tính thống nhất gặp khó khăn (chất lượng video không đạt,...); khó khăn khi xây dựng tình huống đúng mục tiêu; giảng viên chưa kinh nghiệm sẽ gặp khó khăn trong khi giải quyết vấn đề cùng sinh viên. Đây là bước đầu triển khai chuyển đổi phương pháp giảng dạy, sẽ còn nhiều hạn chế. Tuy nhiên việc nhìn nhận ra các hạn chế này và kết hợp thêm tiếp thu các ý kiến đóng góp của sinh viên giúp nhóm nghiên cứu tiếp thêm động lực để ngày càng hoàn thiện công tác giảng dạy.

V. KẾT LUẬN

Sự hài lòng của sinh viên về việc chuyển đổi dạy-học học phần tâm thần theo phương pháp học tập dựa trên tình huống (Case based learning – CBL) là 89,6%. Các vật liệu giảng dạy cũng chiếm trên 90% sự đánh giá tích cực của sinh viên. Vì thế, phương pháp CBL nên được xem xét áp dụng cho giảng dạy các học phần chương trình Y khoa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Hương. Phương pháp dạy học nghiên cứu trường hợp trong giáo dục đại học: Giải pháp đào tạo gắn lý luận với thực tiễn. *Tạp chí khoa học Đại học quốc gia Hà Nội*. 2019. 36(3), 98-106, doi: <https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4410>.
 2. Hara C.Y.N, Aredes N.D.A, Fonseca L.M.M, Silveira R.C.C.P, Camargo R.A.A, et al. Clinical case in digital technology for nursing students' learning: An integrative review. *Nurse Education Today*. 2016. 38, 119-125, doi: 10.1016/j.nedt.2015.12.002.
 3. Choi E., Lindquist R., Song Y. Effects of problem-based learning vs. traditional lecture on Korean nursing students' critical thinking, problem-solving, and self-directed learning. *Nurse Education Today*. 2014. 34(1), 52-56, doi:10.1016/j.nedt.2013.02.012.
 4. Khoa Y - Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. 2023. Kế hoạch thiết kế video giảng dạy trực tuyến trên e-learning từ bài giảng PowerPoint.
 5. Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. 2023. Biên bản họp Hội đồng Khoa học và đào tạo xin chủ trương đổi mới chương trình đào tạo Y khoa theo chuẩn năng lực CBME và thông qua dự thảo quy chế tuyển sinh đại học.
 6. Hassoulas A., Hoskins M., Forty L., Walters JTR., Riley S. A case-based medical curriculum for the 21st century: The use of innovative approaches in designing and developing a case on mental health. *Medical Teacher*. 2017. 39(5), 1-7, doi:10.1080/0142159X.2017.1296564.
 7. Raza S.A., Qazi W., Umer B. Examining the impact of case-based learning on student engagement, learning motivation and learning performance among university students. *Applied Research in Higher Education*. 2019. 12(3), 517 - 533, doi:10.1108/JARHE-05-2019-0105.
 8. Cen X.Y., Hua Y., N Siu., Yu T. Application of case-based learning in medical student education: a meta-analysis. *European Review for Medical and Pharmacological Sciences*. 2021. 25(8), 3173-3181, doi:10.26355/eurrev_202104_25726.
 9. Zhao Y., Liu W., Wang Z., Chen X., Zhao J., et al. The Value of CBL-Based Teaching Mode in Training Medical Students' Achievement Rate, Practical Ability, and Psychological Quality. *Contrast Media & Molecular Imaging*. 2022. 1 (2022), 1-6, doi:10.1155/2022/2121463.
 10. Wu F., Wang T., Yin D., Xu X., Jin C., et al. Application of case-based learning in psychology teaching: a meta-analysis. *BMC Medical Education*. 2023. 23(1), 609, doi:10.1186/s12909-023-04525-5.
-